

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	3-4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 26

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

### **THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG, đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500478210 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2006 và được thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 08 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

### **CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Trịnh Văn Nhật	Chủ tịch
Ông Bùi Văn Thụy	Thành viên
Ông Vũ Văn Minh	Thành viên
Bà Dư Thị Vân	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Đình	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</b>
Bà Vũ Thị Khánh Linh	Trưởng ban Kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 16/06/2025)
Bà Nguyễn Thùy Linh	Trưởng ban Kiểm soát	(Miễn nhiệm ngày 16/06/2025)
Bà Nguyễn Thị Minh Huệ	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	

#### **Ban Tổng Giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Dư Thị Vân	Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Lý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Nhật	Phó Tổng Giám đốc

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **PHE DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

**Dư Thị Vân**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025



Số: 30063.1/2025/BCSX/IAV

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2025, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 – soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Ông việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

- Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thông tin thích hợp liên quan đến việc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng với số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.829 triệu đồng. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty hay không.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp theo)

- Khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, các Công ty con của Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được đối với hàng tồn kho chậm luân chuyển với giá trị 827 triệu đồng tại ngày cuối kỳ. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết để thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty liên quan đến số dư hàng tồn kho và các khoản mục khác (nếu có).

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét. Chúng tôi đã đưa ra kết luận ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này về vấn đề trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về vấn đề không xác định được ảnh hưởng của tính hiện hữu hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.



**ĐỖ THỊ THANH HUYỀN**

Phó Giám đốc

Số giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán:  
2421-2024-283-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ**

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>214.070.375.448</b>	<b>212.470.121.451</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>4.247.414.510</b>	<b>4.106.250.763</b>
1. Tiền	111		4.247.414.510	4.106.250.763
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>143.965.091.902</b>	<b>142.279.542.253</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	61.010.041.977	31.404.260.768
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	6.399.700.454	15.906.932.014
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	36.711.074.150	53.251.074.150
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	39.844.275.321	41.717.275.321
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>64.238.508.492</b>	<b>64.185.276.858</b>
1. Hàng tồn kho	141		64.238.508.492	64.185.276.858
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.619.360.544</b>	<b>1.899.051.577</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	51.584.001	29.688.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.567.727.102	1.869.314.136
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	49.441	49.441
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>104.812.926.026</b>	<b>107.756.496.808</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>74.782.876.889</b>	<b>77.725.199.077</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	45.981.731.439	48.840.351.119
- Nguyên giá	222		73.557.107.520	73.557.107.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.575.376.081)	(24.716.756.401)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	28.801.145.450	28.884.847.958
- Nguyên giá	228		29.661.500.000	29.661.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(860.354.550)	(776.652.042)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.2</b>	<b>30.030.049.137</b>	<b>30.031.297.731</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		30.030.049.137	30.031.297.731
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>318.883.301.474</b>	<b>320.226.618.259</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.497.027.794</b>	<b>6.734.746.763</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.497.027.794</b>	<b>6.734.746.763</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	3.682.568.031	3.966.645.951
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	1.195.580.742	1.325.580.742
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		620.000.008	100.000.004
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	409.616.149	753.257.202
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		589.262.864	589.262.864
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>312.386.273.680</b>	<b>313.491.871.496</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.14	<b>312.386.273.680</b>	<b>313.491.871.496</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.000.000.000	280.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.000.000.000	280.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(30.000.000)	(30.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		294.631.432	294.631.432
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.806.281.814	23.900.176.505
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.899.894.635	22.724.346.336
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.093.612.821)	1.175.548.299
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.315.360.434	9.327.345.429
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>318.883.301.474</b>	<b>320.226.618.259</b>



Người lập biểu  
Nguyễn Thị Đăng Anh



Kế toán trưởng  
Nguyễn Hồng Phong



Tổng Giám đốc  
Đư Thị Vân  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 08 năm 2025



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	102.771.396.520	46.815.625.668
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		102.771.396.520	46.815.625.668
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	100.933.091.860	45.864.627.798
5. Lợi nhuận gộp/ (Lỗ) về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.838.304.660	950.997.870
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		150.038.270	117.411.841
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.248.594)	144.362.923
9. Chi phí bán hàng	25	5.3	1.728.283.764	1.914.512.337
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	1.355.930.948	805.150.788
11. Lợi nhuận/ (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+ (21-22)- (25+26))	30		(1.097.120.376)	(1.506.890.491)
12. Thu nhập khác	31	5.5	125.600	1.851.216
13. Chi phí khác	32		8.603.040	8.383.520
14. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(8.477.440)	(6.532.304)
15. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1.105.597.816)	(1.513.422.795)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	-	4.964.061
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.105.597.816)	(1.518.386.856)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(1.093.612.821)	(1.519.167.206)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(11.984.995)	780.350
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.7	(39)	(54)

Anh

leee



Người lập biểu  
Nguyễn Thị Đăng Anh

Kế toán trưởng  
Nguyễn Hồng Phong

Tổng Giám đốc  
Đư Thị Vân  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 08 năm 2025

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025  
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		(1.105.597.816)	(1.513.422.795)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.942.322.188	2.593.472.139
Các khoản dự phòng	03		-	1.741.371.332
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(148.789.676)	(261.774.764)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.687.934.696	2.559.645.912
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.923.962.615)	6.774.549.322
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(53.231.634)	1.425.752.333
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(237.718.969)	(8.871.549.342)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(21.896.001)	48.032.950
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(19.933.831)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.548.874.523)	1.916.497.344
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.540.000.000	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		150.038.270	117.411.841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.690.038.270	117.411.841
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		141.163.747	2.033.909.185
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.106.250.763	945.585.440
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		4.247.414.510	2.979.494.625

Người lập biểu  
Nguyễn Thị Đăng Anh

Kế toán trưởng  
Nguyễn Hồng Phong

Tổng Giám đốc  
Đur Thị Vân  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 08 năm 2025



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG, đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500478210 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2006 và được thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 08 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 280.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tỷ đồng). Tổng số cổ phần là 28.000.000 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại Thanh Lâm, Phường Phú Lương, TP. Hà Nội.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là Sản xuất và Thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh sơn xây dựng, bột vữa ma tít và các vật liệu xây dựng khác.

#### 1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn DVH	Hà Nội	94,74%	94,74%	Sản xuất và Kinh doanh sơn, vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế Việt Mỹ	Hà Nội	96,85%	96,85%	Sản xuất và Kinh doanh sơn, vật liệu xây dựng
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty TNHH Tảo Xoắn Thanh Hóa (*)	Thanh Hóa	37,89%	40%	Nuôi trồng thủy sản biển

(\*) Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Tập đoàn DVH

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Phòng	Xóm 5, Phường Lưu Kiếm, Hải Phòng
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa	QL1A, Xã Hoằng Phú, Thanh Hóa

#### 1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.



## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **2.2. Giả định hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### **2.3. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **3.1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 10 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



**3.3. Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**3.4. Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3.5. Lãi từ giao dịch mua rẻ**

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm phát sinh.

**3.6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**3.7. Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



**3.8. Các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**3.9. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**3.10. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<i>Số năm</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

**3.12. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**3.13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

**3.14. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**3.15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

**3.16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập****Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu hoạt động tài chính****Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.17. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**3.18. Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

**3.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.



**3.20. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	4.235.144.022	2.421.177.377
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.270.488	1.685.073.386
	<b>4.247.414.510</b>	<b>4.106.250.763</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG**  
**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư vào công ty liên kết**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Điều chỉnh theo phương pháp VCSH	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Điều chỉnh theo phương pháp VCSH	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Tảo Xoắn Thanh Hóa	30.000.000.000	30.030.049.137	(i)	30.000.000.000	30.031.297.731	(i)
	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.030.049.137</b>		<b>30.000.000.000</b>	<b>30.031.297.731</b>	

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sendai	12.566.156.200	7.684.088.075
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Đại Việt	3.110.906.557	4.755.846.859
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Wayoflife Việt Nam	2.882.068.245	1.764.106.625
Công ty Cổ phần Newton Quốc tế	5.704.739.962	1.066.061.438
Công ty Cổ phần Vietin Group	8.588.217.240	3.479.610.068
Công ty CP Sudo Việt Nam	9.588.425.402	2.817.977.237
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sơn Triệu Sơn	4.091.260.897	726.800.468
Công ty Cổ phần Sản xuất Công nghệ cao Quốc tế	3.203.810.369	288.027.075
Công ty Cổ phần Phát triển Quốc tế Hưng Thịnh	3.434.937.009	932.062.046
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.839.520.096	7.889.680.877
	<b>61.010.041.977</b>	<b>31.404.260.768</b>

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Quốc tế Đại Việt	296.388.728	4.617.857.528
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Đại Việt	2.329.762.380	4.067.188.825
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Đại Nam	979.591.980	4.981.494.711
Công ty TNHH My.Dream	893.652.479	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	1.900.304.887	2.240.390.950
	<b>6.399.700.454</b>	<b>15.906.932.014</b>

**4.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ông Lê Anh Tài (i)	6.000.000.000	6.000.000.000
Bà Lê Thị Ngọc Ánh (ii)	3.000.000.000	3.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Gấm (iii)	4.584.000.000	4.584.000.000
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh (iii)	3.356.000.000	3.356.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Hường (iii)	2.811.074.150	2.811.074.150
Bà Nguyễn Thanh Hải (iii)	6.000.000.000	6.000.000.000
Bà Lê Thị Thủy (iii)	5.000.000.000	5.000.000.000
Bà Triệu Thị Huế (iii)	7.860.000.000	10.000.000.000
Bà Lê Thị Kim Phương (iii)	-	8.000.000.000
Bà Phạm Ngọc Yên (iii)	-	2.500.000.000
Ông Nguyễn Hồng Long (iii)	-	2.000.000.000
	<b>36.711.074.150</b>	<b>53.251.074.150</b>

(i) Khoản tiền Công ty Cổ phần Tập đoàn DVH cho ông Lê Anh Tài vay theo Hợp đồng số 01/2024/HDCVT/DVH-LAT ngày 06/02/2024. Số tiền vay là 6.000.000.000 đồng, thời gian vay 01 năm kể từ ngày 06/02/2024 đến 05/03/2025 và được gia hạn đến 31/12/2025, với lãi suất vay 5%/năm, tiền vay để sử dụng cho mục đích cá nhân.

(ii) Khoản tiền Công ty Cổ phần Tập đoàn DVH cho bà Lê Thị Ngọc Ánh vay theo Hợp đồng số 05/2024/HDCVT/DVH-LTNA ngày 01/12/2024. Số tiền vay là 3.000.000.000 đồng, thời gian vay 01 năm kể từ ngày 01/12/2024, với lãi suất vay 0%/năm, tiền vay để sử dụng cho mục đích cá nhân.

(iii) Các khoản tiền Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế Việt Mỹ cho cán bộ nhân viên vay theo các với thời hạn từ 6 tháng đến 1 năm, lãi suất cho vay 0%/năm.

#### 4.6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Đặt cọc cho ông Hà Văn Dũng (i)	37.000.000.000	37.000.000.000
Phải thu khác	2.844.275.321	4.717.275.321
	<b>39.844.275.321</b>	<b>41.717.275.321</b>

(i) Khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế Việt Mỹ cho ông Hà Văn Dũng theo Hợp đồng đặt cọc số 0106/2022/HĐĐC/VM-ĐQT ngày 01/06/2022 về việc chuyển nhượng 13 thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, tổng giá trị chuyển nhượng là 74.279.400.000 VND.

Theo phụ lục gia hạn hợp đồng đặt cọc số 01012023/HDGH/VM-DQT ngày 01/01/2023, hai bên tiếp tục gia hạn thời gian đặt cọc trong vòng 30 tháng kể từ ngày 01/01/2023. Trong thời gian này ông Đặng Quang Tiệm sẽ làm thủ tục pháp lý để chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế Việt Mỹ.

#### 4.7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	52.926.707.638	-	52.736.691.173	-
Thành phẩm	41.464.806	-	168.450.463	-
Hàng hóa	11.270.336.048	-	11.280.135.222	-
	<b>64.238.508.492</b>	<b>-</b>	<b>64.185.276.858</b>	<b>-</b>

#### 4.8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	26.844.001	29.688.000
Phí bảo trì phần mềm	24.740.000	-
	<b>51.584.001</b>	<b>29.688.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

**4.9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	5.519.874.565	63.709.038.772	4.268.194.183	60.000.000	73.557.107.520
Số dư cuối kỳ	5.519.874.565	63.709.038.772	4.268.194.183	60.000.000	73.557.107.520
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	1.279.101.676	19.150.078.238	4.227.576.487	60.000.000	24.716.756.401
Khấu hao trong kỳ	118.933.002	2.716.836.554	22.850.124	-	2.858.619.680
Số dư cuối kỳ	1.398.034.678	21.866.914.792	4.250.426.611	-	27.575.376.081
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	4.240.772.889	44.558.960.534	40.617.696	-	48.840.351.119
Tại ngày cuối kỳ	4.121.839.887	41.842.123.980	17.767.572	-	45.981.731.439

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 7.593.085.684 VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 7.728.573.684 VND.

## 4.10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	29.271.500.000	390.000.000	29.661.500.000
Số dư cuối kỳ	29.271.500.000	390.000.000	29.661.500.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	442.845.590	333.806.452	776.652.042
Khấu hao trong kỳ	71.702.508	12.000.000	83.702.508
Số dư cuối kỳ	514.548.098	345.806.452	860.354.550
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	28.828.654.410	56.193.548	28.884.847.958
Tại ngày cuối kỳ	28.756.951.902	44.193.548	28.801.145.450

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 270.000.000 VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 270.000.000 VND.

## 4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Đại Việt	1.497.519.963	1.497.519.963	834.774.622	834.774.622
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sendai	-	-	1.030.405.651	1.030.405.651
Công ty Cổ phần Hóa chất Fatin Quốc tế	2.092.861.678	2.092.861.678	2.092.861.678	2.092.861.678
Các nhà cung cấp khác	92.186.390	92.186.390	8.604.000	8.604.000
	<b>3.682.568.031</b>	<b>3.682.568.031</b>	<b>3.966.645.951</b>	<b>3.966.645.951</b>

## 4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	16.646.390	11.089.390
Bảo hiểm xã hội	326.048.396	166.055.180
Bảo hiểm y tế	30.892.122	10.142.874
Bảo hiểm thất nghiệp	17.322.898	5.635.058
Phải trả tiền mượn cá nhân không lãi	-	550.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.706.343	10.334.700
	<b>409.616.149</b>	<b>753.257.202</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

**4.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp /khấu trừ	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	941.954.555	-	5.938.254.800	10.387.639.656	811.954.555	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	290.024.466	49.441	-	-	290.024.466	49.441
Thuế, phí và lệ phí khác	93.601.721	-	13.138.000	13.138.000	93.601.721	-
	<b>1.325.580.742</b>	<b>49.441</b>	<b>10.270.777.656</b>	<b>10.400.777.656</b>	<b>1.195.580.742</b>	<b>49.441</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

**4.14. Vốn chủ sở hữu**

**4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>(30.000.000)</b>	<b>204.907.790</b>	<b>22.993.517.262</b>	<b>5.094.963.125</b>	<b>308.263.388.177</b>
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.175.548.299	(16.652.150)	1.158.896.149
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	4.249.034.454	4.249.034.454
Phân phối lợi nhuận	-	-	89.723.642	(269.170.926)	-	(179.447.284)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>(30.000.000)</b>	<b>294.631.432</b>	<b>23.899.894.635</b>	<b>9.327.345.429</b>	<b>313.491.871.496</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>(30.000.000)</b>	<b>294.631.432</b>	<b>23.899.894.635</b>	<b>9.327.345.429</b>	<b>313.491.871.496</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(1.093.612.821)	(11.984.995)	(1.105.597.816)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>(30.000.000)</b>	<b>294.631.432</b>	<b>22.806.281.814</b>	<b>9.315.360.434</b>	<b>312.386.273.680</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

## 4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Bà Trần Thị Trinh	22.500.000.000	8,04%	15.176.000.000	5,42%
Bà Hoàng Thị Mai Quỳnh	14.264.510.000	5,09%	14.264.510.000	5,09%
Các cổ đông khác	243.235.490.000	86,87%	250.559.490.000	89,49%
	<b>280.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

## 4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	280.000.000.000	280.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	280.000.000.000	280.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

## 4.14.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.000.000	28.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.000.000	28.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.000.000	28.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.000.000	28.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.000.000	28.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

## 5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	95.600.798.520	41.056.063.718
Doanh thu bán thành phẩm	6.780.598.000	5.759.561.950
Doanh thu cho thuê	390.000.000	-
	<b>102.771.396.520</b>	<b>46.815.625.668</b>
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 6.2)	-	686.555.390



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	95.040.096.325	39.264.225.184
Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.344.577.095	4.859.031.282
Giá vốn hoạt động cho thuê	548.418.440	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.741.371.332
	<b>100.933.091.860</b>	<b>45.864.627.798</b>

**5.3. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	282.128.358	196.534.954
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	-	9.666.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.446.155.406	1.321.337.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	386.973.399
	<b>1.728.283.764</b>	<b>1.914.512.337</b>

**5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	258.387.801	362.101.064
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	48.986.465	14.589.281
Chi phí khấu hao tài sản cố định	302.449.812	168.007.467
Thuế, phí và lệ phí	13.000.000	8.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	610.012.509	109.082.613
Chi phí bằng tiền khác	123.094.361	143.370.363
	<b>1.355.930.948</b>	<b>805.150.788</b>

**5.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty con	-	4.964.061
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>4.964.061</b>

**5.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 chi tiết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.093.612.821)	(1.518.386.856)
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.093.612.821)	(1.518.386.856)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	28.000.000	28.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(39)</b>	<b>(54)</b>

**5.7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	3.807.791.742	5.303.587.736
Chi phí nhân công	814.751.832	845.230.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.942.322.188	2.593.472.139
Thuế, phí và lệ phí	13.000.000	8.000.000
Chi phí dự phòng	-	1.741.371.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.106.082.649	924.248.520
Chi phí khác bằng tiền	166.276.179	164.915.817
	<b>8.850.224.590</b>	<b>11.580.826.224</b>

**6. CÁC THÔNG TIN KHÁC****6.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**6.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**6.2.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Tổng thu nhập Ban Điều hành và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Hội đồng quản trị</b>			
Ông Trịnh Văn Nhật	Chủ tịch - Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Bùi Văn Thụy	Thành viên	-	-
Ông Hồ Đình Tùng	Thành viên	-	41.435.001
<i>(Đã miễn nhiệm ngày 29/07/2024)</i>			
Ông Vũ Văn Minh	Thành viên	30.035.384	30.946.154
Bà Dư Thị Vân	Thành viên – Tổng Giám đốc	-	-
Ông Ngô Ngọc Đình	Thành viên	-	-
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Bà Vũ Thị Khánh Linh	Trưởng ban	-	-
<i>(Bổ nhiệm ngày 16/06/2025)</i>			
Bà Nguyễn Thùy Linh	Trưởng ban	5.537.692	-
<i>(Đã nhiệm ngày 16/06/2025)</i>			
Bà Nguyễn Thị Minh Huệ	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	-	30.258.462
<b>Ban Điều hành</b>			
Ông Chu Văn Lý	Phó Tổng Giám đốc	-	-
		<b>37.573.076</b>	<b>102.639.616</b>

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.**

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**6.2.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**Danh sách bên liên quan khác**

Bên liên quan khác	Địa chỉ	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tảo Xoắn Thanh Hóa	Thanh Hóa	Công ty liên kết

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Trong kỳ có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Tảo Xoắn Thanh Hóa	-	686.555.390
	-	<b>686.555.390</b>
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Sản xuất Sơn Miền Bắc	-	5.938.254.800
	-	<b>5.938.254.800</b>

**6.3. Thông tin về bộ phận**

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

**6.5. Nợ tiềm tàng**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**6.6. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

*Anh*

*leee*



Người lập biểu  
Nguyễn Thị Đăng Anh

Kế toán trưởng  
Nguyễn Hồng Phong

Tổng Giám đốc  
Dư Thị Vân  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 08 năm 2025